

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG

Số:
04/2007/TTLT/BTNMT-
BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2003 của Chính phủ về việc thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập dự toán kinh phí đo đạc và bản đồ và quản lý đất đai như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn việc lập dự toán kinh phí công tác đo đạc bản đồ quản lý đất đai (dưới đây gọi chung là dự án, nhiệm vụ) do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp nhiệm vụ chi tại Thông tư liên tịch số 83/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 27 tháng 08 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường; làm căn cứ xác định giá giao kế hoạch hoặc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích cho các đơn vị thực hiện.

2. Dự toán kinh phí công tác đo đạc bản đồ và quản lý đất đai được lập gồm đầy đủ các khoản mục chi phí để hoàn thành các công việc theo quy trình, quy phạm và các

quy định kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với dự án, nhiệm vụ có định mức kinh tế kỹ thuật thì dự toán kinh phí được xây dựng trên cơ sở khối lượng công việc nhân (x) đơn giá sản phẩm và các chi phí khác (nếu có). Đối với dự án, nhiệm vụ chưa có định mức kinh tế kỹ thuật thì dự toán kinh phí được xây dựng trên cơ sở nội dung công việc, khối lượng cần thực hiện, mức chi quy định tại Thông tư này và các chế độ tài chính theo quy định hiện hành.

3. Việc thanh quyết toán các dự án, nhiệm vụ đo đạc bản đồ và quản lý đất đai thực hiện theo quy định hiện hành.

II. ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM

A. PHÂN LOẠI CÔNG VIỆC:

- Nhóm I: Gồm đo đạc thiên văn, trọng lực, tọa độ, độ cao các cấp hạng, đo lưới địa chính cơ sở, thành lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính cơ sở, các loại bản đồ chuyên đề;
- Nhóm II: Gồm đo đạc bản đồ địa chính, đo vẽ bản đồ địa chính từ bản đồ địa chính cơ sở, đo chỉnh lý biến động;
- Nhóm III: Gồm các công việc về quản lý đất đai.
- Ngoại nghiệp: Gồm toàn bộ các công việc đo đạc bản đồ; quản lý đất đai thực hiện ở ngoài trời;
- Nội nghiệp: Gồm toàn bộ các công việc đo đạc bản đồ, quản lý đất đai thực hiện trong nhà.

B. ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM BAO GỒM CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRỰC TIẾP VÀ KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHUNG:

Đơn giá sản phẩm = Chi phí trực tiếp (1) + Chi phí chung (2)

1. Chi phí trực tiếp bao gồm các khoản mục cấu thành nên giá trị sản phẩm (chi phí vật liệu, chi phí công cụ - dụng cụ, chi phí nhân công, chi phí khấu hao máy móc - thiết bị và chi phí năng lượng), cách tính như sau:

Chi phí	Chi phí	CP công	Chi phí	Chi phí	Chi phí				
=	phí vật	+	cụ, dụng	+	nhân	+	khấu	+	năng
			cụ (b)		hao (d)		lượng (e)		

trực	liệu	công
tiếp	(a)	(c)

a) Chi phí vật liệu: Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu dùng trực tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm; cách tính cụ thể như sau:

$$\text{Chi phí vật} = \sum (\text{Số lượng từng Đơn giá từng loại vật liệu theo định mức} \times \text{liệu loại vật})$$

- Số lượng vật liệu được xác định trên cơ sở định mức sử dụng vật liệu do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.
- Đơn giá vật liệu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với công trình thuộc nhóm I, lấy theo giá bình quân các khu vực thi công trong năm và được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định; đối với công trình thuộc nhóm II, III lấy theo giá địa phương có xác nhận của Sở Tài chính.

b) Chi phí công cụ, dụng cụ: Là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ trong quá trình sản xuất sản phẩm; cách tính cụ thể như sau:

$$\text{Chi phí công cụ, dụng cụ} = \frac{\text{Số ca sử dụng công cụ dụng cụ theo định mức} \times \text{Đơn giá sử dụng công cụ dụng cụ phân bổ cho 1 ca}}{1 \text{ ca}}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ} = \frac{\text{Đơn giá công cụ dụng cụ}}{\text{phân bổ 1 ca}} = \frac{\text{Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ} \times 26 \text{ ca định mức (tháng)}}{1 \text{ ca}}$$

- Đơn giá công cụ, dụng cụ như cách tính xác định giá vật liệu.
- Số ca sử dụng và niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Chi phí nhân công: Gồm chi phí lao động kỹ thuật và chi phí lao động phổ thông (nếu có) tham gia trong quá trình sản xuất sản phẩm.

c.1) Chi phí lao động kỹ thuật được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chi phí lao} & & \text{Số công lao động kỹ} & & \text{Đơn giá ngày công lao} \\ & = & \text{thuật theo định mức} & \times & \text{động kỹ thuật} \\ \text{động kỹ thuật} & & & & \end{array}$$

- Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật gồm tiền lương cơ bản, lương phụ, phụ cấp lương, các khoản đóng góp và các chế độ khác cho người lao động theo quy định hiện hành.

- Nội dung và phương pháp xác định đơn giá công lao động kỹ thuật theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

c.2) Chi phí lao động phổ thông được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chi phí lao} & & \text{Số công lao động phổ} & & \text{Đơn giá ngày công} \\ \text{động phổ} & = & \text{thông theo định mức} & \times & \text{lao động phổ thông} \\ \text{thông} & & & & \end{array}$$

- Đơn giá công lao động phổ thông đối với công trình nhóm I, lấy theo giá bình quân chung các khu vực thi công trong năm do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định;

- Đơn giá công lao động phổ thông đối với nhóm II, III do Sở Lao động - Thương binh Xã hội và Sở Tài chính của địa phương nơi thi công quy định.

d) Chi phí khấu hao máy móc thiết bị: Là hao phí về máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình thực hiện công tác đo đạc bản đồ và quản lý đất đai; được xác định trên cơ sở danh mục máy, số ca sử dụng máy theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và mức khấu hao một ca máy; cách tính cụ thể như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chi phí khấu hao} & = & \text{Số ca máy theo định} & \times & \text{Mức khấu hao một ca} \\ & & \text{mức} & & \text{máy} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức khấu hao một ca} & & \text{Nguyên giá} \\ \text{máy} & = & \frac{\text{Số ca máy sử dụng một năm} \times \text{Số năm sử dụng}}{\text{Số ca máy sử dụng một năm} \times \text{Số năm sử dụng}} \end{array}$$